



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: 703-560-0058

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

IV # _____
VEWL.# _____
I-171 : _____ Yes, _____ No
EXIT VISA: _____ Yes _____ No

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM HUA UAN HOI
Last Middle First
- Current Address 466 Dien Bien Phu - P.7 - Q. Binh Thanh - Ho Chi Minh City
- Date of Birth 07/31 1938 Place of Birth My Tho
- Previous Occupation (before 1975) Captain & ARVN
(Rank & Position)
2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates : From 06-1975 To 06-1985
3. SPONSOR'S NAME: Hua - Thi - Muoi
Name
- Address & Telephone

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone</u>	<u>Relationship</u>
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

Date Prepared: _____

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
Tran - Thi - Lang	1942	wife
Hua - Thi - My - An	1965	daughter
Hua - Cao - Danh	1968	son
Hua - Thi - My - T	1969	daughter
Hua - Thi - My - Thien	1975	daughter

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON VA 22205-0635
TELEPHONE: 703-998-7850

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM

ODP
card
mẫu D

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

Applicant in Vietnam HUÀ Vân HỘI
Last Middle First

Current Address 466 Điện Biên Phủ, F. 17, Q. Bình Thạnh, HCM-VN.

Date of Birth 07-31-1938 Place of Birth Mỹ Tho, VN.

Names of Accompanying Relatives/Dependents

TRẦN THỊ LANG (mẹ - 1942) HUÀ THỊ MỸ Ý (con - 1969)
HUÀ THỊ MỸ AN (con - 1965) HUÀ THỊ MỸ TRẦN (con - 1975)
HUÀ CAO DẠNH (con - 1968)

Time Spent in a Re-education Camp: Dates: From 06-23-1975 To 06-26-1985

Names of Relatives/Acquaintances in the U.S.

<u>NAME</u>	<u>RELATIONSHIP</u>	<u>NAME</u>	<u>RELATIONSHIP</u>
		<u>HUÀ THỊ MƯỜI</u>	<u>Sister</u>

Form Completed By:

F-VN. Pol. prisoners Assoc
Name

P. O. Box 5435, ARL VA 22205-0635
Address

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

APPLICATION FOR U.S. CITIZENSHIP
(Chỉ hỏi cho người lập gia đình)

Applicant's Name
Họ/Tên: HUỖ VĂN HỢI

Other names:
Họ/Tên khác: KHÔNG CÓ

Date/Place of Birth:
Ngày/Nơi sinh: 31.7.1938 MỸ THO ĐÌNH TRƯỞNG

Resident Address:
Địa chỉ thường trú: 466 NIÊN DIỄN PHÚ PHƯỜNG 17 QUẬN BÌNH THẠNH TP. HCM

Mailing Address:
Địa chỉ thư từ: 466 NIÊN DIỄN PHÚ PHƯỜNG 17 QUẬN BÌNH THẠNH TP. HCM

Current Occupation: BIỆT QUẢN CHỨC ĐỒ CỒ
Nghề nghiệp: TỐT NGHIỆP TRƯỞNG QUỐC GIA CAO ĐẲNG MỸ THUẬT CHAI SƠN HIỆN ĐANG CHƯA CÓ VIỆC LÀM

Relatives to Accompany Me:
Bà con cùng đi với tôi:

(NOTE: Your spouse and unmarried children are the only relatives eligible to accompany you. List marital status (MS) as follows: Married (M), Divorced (D), Widowed (W), or Single (S).)
Chỉ vợ/chồng và con cái có thể cùng đi với bạn mà thôi. Liệt kê tình trạng hôn nhân gia đình như sau: đã lập gia đình (M), đã ly dị (D), góa vợ/góa chồng (W), hoặc độc thân (S).

Name Họ/Tên	Date of Birth Ngày sinh	Place of Birth Nơi sinh	Sex Giới	Relationship Quan hệ
TRẦN THỊ LANG	21.8.1942	MỸ THO	NỮ	Con rể
HUỖ THỊ MỸ AN	29.12.1965	ĐALAT	NỮ	Con gái
HUỖ CAO DANH	4.1.1968	ĐALAT	NAM	Con trai
HUỖ THỊ MỸ Ý	11.6.1969	ĐALAT	NỮ	Con gái
HUỖ THỊ MỸ TIÊN	30.7.1975	GIA BÌNH	NỮ	Con gái

(NOTE: For the persons listed above, we will need legible copies of Birth Certificates, Marriage Certificates, Divorce Decrees, or other documents, licenses, and photos. If any of those above accompanying relatives do not live with you, please note their address in Section I below.

(Chú ý: Cho mỗi người có tên trong danh sách trên, chúng tôi cần tập hồ sơ khai sinh, giấy kết hôn (nếu đã ly dị), giấy khai tử của vợ/chồng (nếu góa vợ/góa chồng), tờ khai cuộc (nếu có) và hình ảnh. Nếu họ đang sống cùng đi với bạn không cần.

ngay với bạn hiện tại, xin viết địa chỉ của họ trong phần I.)

C. Relatives Outside Vietnam.

1. Relative in the U.S.

2. Closest relative in the U.S.
3. Closest relative in other country:

Name:

Ng/Tên: HỮA THI MƯỜI

Relationship:

Liên hệ gia đình: EM RUỘT

Address:

Địa chỉ:

2. Closest relative in other country:

3. Closest relative in other country:

Name:

Ng/Tên: HỮA THI TỨC

Relationship:

Liên hệ gia đình: CHỊ RUỘT

Address:

Địa chỉ: ROBERT KOCH RING

D. Complete Family Listing (Living/Deceased).

4. Complete Family Listing (Living/Deceased).

5. Complete Family Listing (Living/Deceased).

Father:

Cha: HỮA VĂN QUAN (CHẾT)

Mother:

Mẹ: HỒ THI MƯỜI (SỐNG) ẤP CÁ THỊ TRẦN TÂN HIỆP HUYỆN CHÂU THÀNH TIỀN GIANG

Spouse:

Vợ/Chồng: TRẦN THI LANG 466 ĐIỆN BIÊN PHỦ QUẬN BÌNH THẠNH TP. HỒ CHÍ MINH

Former Spouse (if any):

Vợ/Chồng trước (nếu có): KHÔNG CÓ

Children:

Con cái: HỮA THI MỸ AN

HỮA CAO DANH

HỮA THI MỸ Y

HỮA THI MỸ TIỀN

466 ĐIỆN BIÊN PHỦ

PHƯỜNG 17 QUẬN BÌNH THẠNH

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Siblings:

Anh chị em:

HỮA THI MẠO

HỮA VĂN DẦU

HỮA THI TỨC

HỮA THI SÁU

HỮA VĂN CHÍNH

HỮA THI MƯỜI

HỮA NGOC CẨM

HỮA THI MƯỜI HAI

HỮA VĂN THƯƠNG

56 NGUYỄN HUYNH ĐỨC MỸ THO

ẤP CHỢ THỊ TRẦN TÂN HIỆP HUYỆN CHÂU THÀNH TIỀN GIANG

ROBERT KOCH RING 27, 4470 MEPPEN, W. GERMANY

ẤP CÁ THỊ TRẦN TÂN HIỆP HUYỆN CHÂU THÀNH TIỀN GIANG

CÁI TẠO TRẠI CÁI TẠO TIỀN GIANG

4452 GEORGETTA ST. SAN DIEGO CA. 92116

ẤP CÁ THỊ TRẦN TÂN HIỆP HUYỆN CHÂU THÀNH TIỀN GIANG

ẤP CÁ THỊ TRẦN TÂN HIỆP HUYỆN CHÂU THÀNH TIỀN GIANG

CÁI TẠO TRẠI CÁI TẠO TIỀN GIANG

Employment by U.S. Government Agency or other U.S. organizations of you.
Bạn hoặc vợ/chồng đã có làm việc cho công sở của Chính phủ Mỹ, hãng Mỹ.

Name of person employed:

Họ tên nhân viên: TRẦN THỊ LANG

Date: From: 1969 To: 1970

Ngày/tháng/năm: Từ: 1969 Đến: 1970

Title of (last) position held:

Chức vụ công việc: THẦY CUNG CẤP SẠC TỤ CHO QUÂN ĐỘI HOA KỲ TẠI DALAT

Agency/Company/Office:

Sở/nhà/Văn phòng: VĂN PHÒNG ĐẠI TIỀN HOA KỲ TẠI PHƯỜNG CAM LY-DALAT

Name of (last) Supervisor:

Tên họ người Giám thị: KHÔNG NHỚ

Reason for leaving:

Lý do ra đi: THEO CHỒNG

Training for job in Vietnam:

Nghề nghiệp huấn luyện tại Vietnam: KHÔNG CÓ

F. Service with GVN or RVNAF by you or your spouse:

Bạn hoặc vợ/chồng đã công vụ với chính phủ Việt Nam:

Name of person serving:

Họ tên người tham gia: HUỖ VĂN HỢI

Date:

Ngày/tháng/năm: Từ 8.9.1962 Đến: 30.4.1975

Last rank:

Cấp bậc cuối cùng: ĐẠI UY

Ministry/Office/Agency Unit:

Sở/cơ quan/chức vụ: CỤC AN NINH QUÂN ĐỘI TUYÊN NINH QUÂN ĐỘI BÌNH THUAN

Name of Supervisor/C.O.:

Họ tên người Giám thị/Hoàn chỉ huy: CHÍNH TRƯỞNG QUÂN ĐỘI HUỖ VĂN HỢI

Reason for leaving:

Lý do ra đi: QUAN CHẾ ĐỘ CŨ, HỌ TẬP CẢI TẠO TRÊN 10 NĂM

Name of American Advisor (s):

Họ tên cố vấn Mỹ: CÓ KHUÔNG + HỒ CỎ + HỒ CỎ + HỒ CỎ + HỒ CỎ

U.S. Training course in Vietnam:

Chương trình huấn luyện Hoa Kỳ tại Vietnam: SƠ QUÂN ĐỘI HỒ CỎ + CÔNG TÁC TÌNH HỒ

U.S. Awards or Certificates:

Giải thưởng hoặc chứng thư của Mỹ cấp: GIẢI THƯỞNG HỒ CỎ

Note: Please attach any copies of diplomas, awards, or certificates if available.

Chú ý: Xin kẹp kèm theo bất cứ văn bằng, giải thưởng hoặc chứng thư nếu có.

G. Training outside Vietnam of you or your spouse:

Bạn hoặc vợ/chồng đã huấn luyện tại ngoại quốc:

Name of student, trainee:

Họ tên sinh viên/người được huấn luyện: HUỖ VĂN HỢI

School and school address:

Trường và địa chỉ nhà trường: TRƯỜNG TINH ANO MALAKA
TẠI THỦ ĐẾ KUALUMPUR

Date:

Ngày/tháng/năm: 15 tháng 1 năm 1964 Tới tháng 6 năm 1964

Description of course:

Mô tả khóa học: AN NINH TINH BẮC

Who paid for training:

AI chi trả chương trình huấn luyện: HOA KỲ

Note: Please attach copies of Diplomas, Orders, if available.

Chú ý: Xin kèm theo Văn bằng, Chỉ thị nếu có.

H. Re-education of you or your spouse.

Bạn hoặc vợ/chồng đã học tập cải tạo.

Name of person in reeducation:

Tên người đi học tập cải tạo: HUÀ VÂN HỒI

Total time in reeducation: years months days

Tổng cộng thời gian học tập cải tạo: 10 năm 3 tháng 3 ngày

Still in reeducation: yes no

Vẫn còn học tập cải tạo: no không X

-If released, we must have a copy of your release certificate.

-Nếu được thả, chúng tôi cần một bản sao giấy ra trại.

I. Any additional remarks?

Có gì cần chú ý.

Signature

Ký tên

hvu

Date

Ngày

29.1.1986

J. Please list here all documents attached to this questionnaire.

Xin nêu ra tất cả giấy tờ kèm theo vở sổ câu hỏi này.

- Khai sinh

- Khai sinh và các con (4)

- Hôn thú

- Đăng ký

- Ảnh và 4 con

- Các xác của vợ

- Bảng kê xe đi máy cày của quốc gia và tư nhân

BỘ NỘI VỤ
Trại Hầm tạc

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 01/1975
Ban hành ngày 27 tháng 10 năm 1975

Số GPT

GIẤY RA TRẠI

Bộ nội vụ

HỒ VĂN HỢI

Tiền giang

466 Điện biên phủ - Bình thành
T/P Hồ chí Minh

Đại úy sỹ quan phụ tá trưởng ty an Ninh quan doi
23/06/75 TTCT

Nơi cư trú: 466 Điện biên phủ - Bình thành - T/P HCM

Tư tưởng : Bề ngoài tỏ ra an taw cái tao tin tưởng vào đường
lối giáo dục của cách mạng .
Lao động : Tham gia đủ ngày công , năng suất chất lượng khá
Nghiêm : Chấp hành nghiêm không sai phạm gì lớn .
Mức tập : Tham gia đều , nhận thức chuyển biến khá .
Quản chế 12 tháng .

Hương sự phải trình diện tại UBND Phường xã: Nơi cư trú

Trước tháng năm 19

Lưu trữ ngay

Cao

Danh bạ số

Lưu trữ

Họ tên, chữ ký
người được cấp giấy

Ngày tháng năm 19 85

Giám thị

Hồ Văn Hoi

THIẾU TÁ: NGUYỄN ANH QUANG

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
NAM - PHÂN

THẺ CHỨC - VỤ

Tên họ: HÀ-VĂN-HUY

Ngày và nơi sinh: 31.7.1938

tại Định-Tường

Con của: Hữu-văn-quân

Tên của Hồ-thị-Mười

Cán, việc: 38.1.00016 cấp

ngày 11.9.1957 tại Tân-Hiệp

Chức vụ: Giáo-sư, (Định-Tường)

TRƯỜNG THOẠI-NGỌC-HÀU

TỈNH AN-GIANG



ngày 12 tháng 9 năm 1957

Tỉnh trưởng

HOÀNG-CHIEU-SÁ

VIỆT-NAM CÔNG-HÒA
TỈNH HAY THÀNH-PHỐ
TUYÊN-LỘ

Quận : **HỒ-TRỌNG**

Xã : **HIỆP-THÀNH**

Số nhà : **32A**

TRÍCH-LỤC
CHỨNG-THƯ HÔN-THỰ

Tên họ người chồng **TRẦN - VĂN - HỢI**
Quân-nhân
nghề-nghiep
sinh ngày ba mươi mốt tháng bảy năm một ngàn chín trăm
tại **Làng Tân-Hiệp, Tỉnh Định-Tướng**
ba mươi tám
cư-sở tại **24, Triện-Việt-Vương Dalat**
tạm-trú tại **24, Triện-Việt-Vương Dalat**
Tên họ cha chồng **HỒA - VĂN - QUÂN (chết)**
Tên họ mẹ chồng **HỒ - THỊ - MƯỜI (sống)**
Tên họ người vợ **TRẦN - THỊ - LANG**
nghề-nghiep **Công-chức**
sinh ngày hai mươi mốt tháng tám năm một ngàn chín trăm
tại **Làng Hòa-Dịnh, Tỉnh Định-Tướng**
bốn mươi hai
cư-sở tại **Phủ-Thạch, Hiệp-Thành**
tạm-trú tại **-BT-**
Tên họ cha vợ **TRẦN - VĂN - CHẤT (sống)**
Tên họ mẹ vợ **VÕ - THỊ - SÙNG (sống)**
Ngày cưới **Mười ba, tháng bảy, năm một ngàn chín trăm**
Vợ chồng khai cơ hay không lập hôn khế **Đau mười lăm**
ngày / tháng / năm /
tại /

Trích y bản chính
HIỆP-THÀNH ngày 23 tháng 12 năm 1965
Viên-chức Hộ-lịch,
CHỦ-TỊCH



THÁI-SẮC-KH

CHỖ ĐÓNG CHỮ KÝ CỦA

Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND xã Hiệp Thành
23/12/1965

VIỆT-NAM CÔNG-HÒA
République du Viet-Nam
BỘ TƯ PHÁP
Ministère de la Justice
SỞ TƯ PHÁP NAM-PHÂN
Service judiciaire du Sud-Vietnam



PHÒNG LỤC-SỰ TÒA AN SỞ TƯ PHÁP
(Greffier du Tribunal de l'An du Sud-Vietnam)

NĂM 1938
(ANNO)

SỐ THEO HÀNH SỰ
(COTE N°)

Tên họ con trai (Nom et prénom de l'enfant)	TRẦN-VĂN-HỢI
Nam-nữ (Sexe de l'enfant)	Con trai
Sinh ngày nào (Date de naissance)	Ba mươi mốt tháng七月十一
Sinh tại chỗ nào (Lieu de naissance)	Làng Tân-Hiệp
Tên họ cha (Nom et prénom du père)	HỒA - VĂN - QUÂN
Cha làm nghề gì (Sa profession)	Làm ruộng
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	Làng Tân-Hiệp
Tên họ mẹ (Nom et prénom de la mère)	HỒ-THỊ-MƯỜI
Mẹ làm nghề gì (Sa profession)	Buôn bán
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	Làng Tân-Hiệp
Vợ chính hay vợ thứ (Son rang de femme mariée)	Vợ chính.-

Chung tôi, **LE XUAN KINH,**
(Nous)
Chánh-an Tòa **MITHO**
(Président du Tribunal)
chứng cho hợp-pháp chữ ký tên của
(Certifions l'authenticité de la signature de)
Ông **LE VAN CANH,**
(M.)
Chánh-Lục-sự Tòa an sở tại.
(Greffier en chef dudit tribunal).
MITHO ngày 7/12/1965
CHANH - AN,
(LE GREFFIER EN CHEF).

Trích y bản chính,
(Pour extrait conforme),

MITHO ngày 7/12/
CHANH LUC-SU,
(LE GREFFIER EN CHEF).

Giá tiền : 5000
(Cost)
Biên-lai số : 16.092
(Quittance n°)

Số hiệu 4

KHAI SANH

Nhà In Lâm-Việt - Dalat



Tên họ sau sinh: Huỳnh-Văn-Huân
 Giới tính: Nam
 Sinh: Ngày bốn tháng một năm một ngàn chín trăm sáu mươi mốt tác (04-01-1961)
 Tại: Dân-Y-Viện Dalat
 Cha: Huỳnh-Văn-Huân
 (tên họ)
 Tuổi: 1938
 Nghề nghiệp: Trẻ em
 Cư trú tại: 24 Triệu-Việt-Vương Dalat
 Mẹ: Trần-Thị-Lang
 (tên họ)
 Tuổi: 1942
 Nghề nghiệp: Nội trợ
 Cư trú tại: 24 Triệu-Việt-Vương Dalat
 Vợ: Trần-Thị-Lang
 (tên họ)
 Người khai: Huỳnh-Văn-Huân
 (tên họ)
 Tuổi: nt
 Nghề nghiệp: nt
 Cư trú tại: nt
 Ngày khai: 01-01-1961
 Người chứng thứ nhất: Trần-Thị-Lang
 (tên họ)
 Tuổi: 1937
 Nghề nghiệp: quân nhân
 Cư trú tại: PRC.31.40
 Người chứng thứ nhì: Trần-Văn-Huân
 (tên họ)
 Tuổi: 1937
 Nghề nghiệp: quân nhân
 Cư trú tại: PRC.31.40

Làm tại Huân-hồ 7: a) ngày 8 tháng 1 năm 1961

Người khai: Huỳnh-Văn-Huân Nhân chứng: Trần-Thị-Lang
Huỳnh-Văn-Huân Trần-Thị-Lang
Huỳnh-Văn-Huân Trần-Thị-Lang

TRẦN THỊ LƯƠNG

Số hiệu 152

KHAI SANH

Nhà In Lâm-Việt - Dalat



Tên họ sau sinh: HUỲNH-THỊ-MỸ-Í
 Giới tính: Nữ
 Sinh: Ngày một tháng sáu năm một ngàn chín trăm sáu mươi chín (01-06-1969)
 Tại: Dân-y-Viện Dalat
 Cha: Huỳnh-Văn-Huân
 (tên họ)
 Tuổi: 1938
 Nghề nghiệp: quân nhân
 Cư trú tại: 24 Triệu-Việt-Vương Dalat
 Mẹ: Trần-Thị-Lang
 (tên họ)
 Tuổi: 1942
 Nghề nghiệp: Nội trợ
 Cư trú tại: 24 Triệu-Việt-Vương Dalat
 Vợ: Trần-Thị-Lang
 (tên họ)
 Người khai: Huỳnh-Văn-Huân
 (tên họ)
 Tuổi: 1938
 Nghề nghiệp: quân nhân
 Cư trú tại: 24 Triệu-Việt-Vương Dalat
 Ngày khai: 24-06-1969
 Người chứng thứ nhất: Trần-Thị-Lang
 (tên họ)
 Tuổi: 1937
 Nghề nghiệp: quân nhân
 Cư trú tại: 11B đường Trần-Hưng-Dạo Dalat
 Người chứng thứ nhì: Nguyễn-Văn-Thắng
 (tên họ)
 Tuổi: 1929
 Nghề nghiệp: quân nhân
 Cư trú tại: 11B đường Trần-Hưng-Dạo Dalat

Làm tại Huân-hồ 7: a) ngày 14-06-1969
 Người khai: Huỳnh-Văn-Huân Nhân chứng: Trần-Thị-Lang
Huỳnh-Văn-Huân Trần-Thị-Lang
Huỳnh-Văn-Huân Trần-Thị-Lang

TRẦN THỊ LƯƠNG

TRẦN THỊ LƯƠNG

ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu HT3/P

Xã, thị trấn
Thị xã, Quận
Thành phố, Tỉnh



BẢN SAO
GIẤY KHAI SINH

Số 604
Quyển số 3

Họ và tên	Huỳnh Thị Ngọc Viên	
Sinh ngày tháng, năm	30.7.1975 (ba mươi tháng bảy năm một ngàn chín trăm bảy mươi lăm)	
Nơi sinh	Trung tâm thực tập y khoa gia đình xã 1 Trưng Bông, huyện Bình Thuận	
Khai cơ cha, mẹ	CHA	MẸ
Họ, tên, tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	Huỳnh Văn Hối 1938	Trần Thị Lương 1942
Dân tộc	Kinh	Kinh
Quốc tịch	Việt Nam	Việt Nam
Nghề nghiệp	Làm ruộng	Buôn bán
Nơi ĐKKK thường trú	Hố 1 Trưng Bông Phố	Hố 1 Trưng Bông Phố Phường 1 Trưng Bông Phố
Họ, tên, tuổi, nơi ĐKKK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNGC của người đứng khai	Trần Thị Lương Hố 1 Trưng Bông Phố Phường 1 Trưng Bông Phố Đường 1 Trưng Bông Phố Phường 1 Trưng Bông Phố	

NHẬN THƯỞNG SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày tháng năm

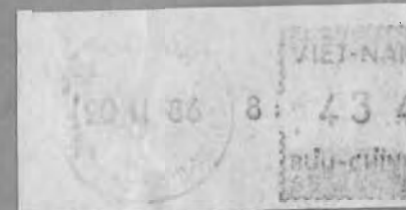


Đã ký ngày 22 tháng 07 năm 1976
(Ký tên, đóng dấu ghi rõ chức vụ)

VIỆT NAM CỘNG HÒA
THE CĂN CƯỚC
Số 02458600
Họ Tên: TRẦN THỊ LANG
Ngày, nơi sinh: 21.08.1942
Cha: HOÀ BÌNH ĐỊNH-TƯỜNG
Mẹ: TRẦN VĂN CHẤT
Vợ: THỊ SƯƠNG
Địa chỉ: T.Đ. Trần-H-Đạo DALAT.



FROM HUA VAN HOI
466 Điện Biên Phủ
T. 17 Quận Đống Đa
TP - HỒ CHÍ MINH.



CLAIM CHECK
NO

003717

☐ HOLD

DATE

3/5

1ST NOTICE

2ND NOTICE

RETURN

Detached from
PS Form 3849-A
Oct. 1980

TO:

MRS. KHUOC MINH THU
5555 COLUMBIA PIKE SUITES
ARLINGTON VA 22204

Please forward to: USA
P.O. Box 5435
Arlington, VA. 22205-0635

2

4-19-86
gtr ODP ror-
cand ror
man D ror

chup su

~~chua tam gi~~
ca

PHIẾU KIỂM SOÁT

- Họ và tên: Huỳnh Văn Hời

- ☒ Card
- ☒ Thở bột tuc, cảm ớn
- ☒ Giấy ra trại
- ☒ Cấp bằng, huy chương
- ☒ Hồ sơ đầy đủ (Thở đủ hồ sơ)
- ☒ Computer

- Các thứ khác :

- ☐ Mẫu D
 - ☐ ODP list
 - ☐ Labels
 - ☐ Folder
 - ☐ Hồ sơ cần xerox
 - ☐ Hồ sơ đã chuyển ODP
- ngày _____